

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ
(HEV)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138 / ĐH-DN

Hà nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

1. Tên tổ chức phát hành : CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ
2. Mã chứng khoán : HEV
3. Trụ sở chính: 25 Hàn Thuyên - Quận Hai Bà Trưng Hà nội
4. Điện thoại : 04.39717189 Fax: 04.39717189
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ngô Thị Thanh Bình – Giám đốc
6. Nội dung công bố thông tin :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán 6 tháng năm 2014 được lập ngày 11/08/2014 bao gồm : Bảng CĐKT, Báo cáo KQKD, LCTT và Thuyết minh.

- Giai trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2014 giữa Báo cáo tài chính đã kiểm toán 6 tháng và Báo cáo tài chính Quý 2/2014 :

Trong Báo cáo tài chính Quý 2/2014 đã được công bố ngày 16/07/2014, Công ty áp dụng thuế suất TNDN là 10% đối với các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xuất bản và 22% đối với các hoạt động khác (căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC và công văn số 6833/BTC-CST) nên số thuế TNDN phải nộp 6 tháng 2014 là : 152.856.755 VNĐ. Trong báo cáo tài chính 6 tháng 2014 đã được kiểm toán soát xét, công ty áp dụng thuế suất TNDN là 22% (căn cứ theo Thông tư 78/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN) nên số thuế TNDN phải nộp 6 tháng là : 263.525.104 VNĐ.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.hevobeo.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.



Ngô Thị Thanh Bình

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HC



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2014: 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39717189
- Fax: (84) 04.39717189

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 25 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--|
| • Ông Nguyễn Văn Tư | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Nhật Tân | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Miễn nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Hải Châu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010
Miễn nhiệm ngày 19/04/2014 |



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 982/2014/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 16/07/2014 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

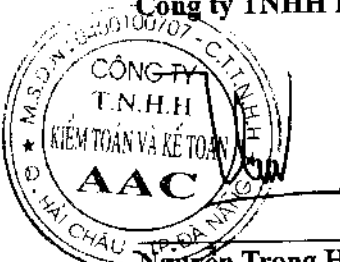
Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Nguyễn Trọng Hiếu – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0391-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Lâm Quang Tú – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.714.761.105	20.704.914.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.068.065.631	3.528.009.745
1. Tiền	111	5	568.065.631	528.009.745
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	500.000.000	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.400.000.000	4.400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	4.400.000.000	4.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.251.949.695	3.123.453.512
1. Phải thu khách hàng	131		5.669.305.877	3.439.149.483
2. Trả trước cho người bán	132		70.944.000	72.944.000
3. Các khoản phải thu khác	135		-	63.833.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(488.300.182)	(452.473.304)
IV. Hàng tồn kho	140	8	9.994.745.779	9.653.451.739
1. Hàng tồn kho	141		10.615.227.151	10.326.333.673
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(620.481.372)	(672.881.934)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		581.592.830	585.568.431
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.009.219.000)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	577.600.000	581.400.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(56.400.000)	(52.600.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.992.830	4.168.431
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.992.830	4.168.431
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.296.353.935	21.290.483.427

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.795.702.687	5.026.437.057
I. Nợ ngắn hạn	310		5.795.702.687	4.971.437.057
1. Phải trả người bán	312		2.936.739.792	1.224.480.976
2. Người mua trả tiền trước	313		101.397.890	65.973.980
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	236.758.196	356.067.221
4. Phải trả người lao động	315		1.393.348.591	1.841.471.137
5. Chi phí phải trả	316	13	913.164.875	944.700.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	36.703.874	46.662.774
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		177.589.469	492.080.969
II. Nợ dài hạn	330		-	55.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	55.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.500.651.248	16.264.046.370
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.500.651.248	16.264.046.370
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	600.414.374	600.414.374
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	609.344.310	609.344.310
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	2.400.892.564	3.164.287.686
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.296.353.935	21.290.483.427

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	565.679.294	565.679.294
2. Ngoại tệ các loại	-	-



Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	16	9.704.905.611	11.195.706.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	16	9.704.905.611	11.195.706.298
4. Giá vốn hàng bán	11	17	5.817.906.709	7.310.382.007
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>3.886.998.902</u>	<u>3.885.324.291</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	270.323.838	338.261.286
7. Chi phí tài chính	22	19	3.800.000	(95.000.000)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		140.569.760	455.943.510
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.906.539.298	2.685.394.171
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.106.413.682</u>	<u>1.177.247.896</u>
11. Thu nhập khác	31	20	5.281.300	300.000
12. Chi phí khác	32	21	11.565.000	2.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(6.283.700)</u>	<u>(1.700.000)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22	<u>1.100.129.982</u>	<u>1.175.547.896</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	263.525.104	181.587.209
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	22	<u>836.604.878</u>	<u>993.960.687</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	837	994



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	7.423.949.780	7.535.882.210
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và dịch vụ	02	(5.703.183.504)	(6.295.282.354)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.225.052.700)	(1.754.945.500)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(258.290.904)	(438.127.992)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.303.100	21.993.100
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(445.827.057)	(469.432.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.194.101.285)	(1.399.913.214)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	300.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	334.157.171	256.067.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	334.157.171	556.067.122
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.600.000.000)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.600.000.000)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.459.944.114)	(2.643.846.092)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.528.009.745	3.203.432.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.068.065.631	559.586.515



Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định. Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã hết khấu hao.

Loại tài sản

Phương tiện vận tải

Thời gian khấu hao (năm)

3

4.6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.9. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.10. Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%
- Thuế giá trị gia tăng: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	36.631.802	35.581.249
Tiền gửi ngân hàng	531.433.829	492.428.496
Cộng	568.065.631	528.009.745

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	500.000.000	3.000.000.000
Cộng	500.000.000	3.000.000.000

7. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục VN vay	4.400.000.000	4.400.000.000
Cộng	4.400.000.000	4.400.000.000

Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 01/2014/HĐVV/HEV-NXBGDVN ngày 01/01/2014, thời gian cho vay là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2014 với lãi suất 10,5%/năm.

8. Hàng tồn kho

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.171.725	22.383.198
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	115.593.500	113.374.500
Thành phẩm	10.408.894.346	10.108.143.418
Hàng hóa	79.567.580	82.432.557
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(620.481.372)	(672.881.934)
Cộng	9.994.745.779	9.653.451.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Mua sắm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 1.009.219.000 đồng.
Không có tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2014.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
- Cổ phiếu STC (*)	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (STC) (**)		(56.400.000)		(52.600.000)
Cộng		577.600.000		581.400.000

(*) Tại ngày 30/06/2014, Công ty đang sở hữu 38.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán STC.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán này được lập căn cứ vào:

- Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ;
- Chênh lệch giữa giá giao dịch bình quân ngày 30/06/2014 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và giá gốc của chứng khoán đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa bìa sách chờ phân bổ	3.992.830	4.168.431
Cộng	3.992.830	4.168.431

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	388.492	9.112.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	213.525.104	208.290.904
Thuế thu nhập cá nhân	22.844.600	138.663.746
Cộng	236.758.196	356.067.221

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí đấu thầu bán thảo	34.613.500	73.725.000
Tiền nhuận bút phải trả	844.151.375	869.775.000
Phí quản lý xuất bản phải trả	34.400.000	1.200.000
Cộng	913.164.875	944.700.000

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	17.701.424	23.260.324
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.002.450	23.402.450
Cộng	36.703.874	46.662.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.176.516.972
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.287.770.714
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.300.000.000
Số dư tại 31/12/2013	<u>10.000.000.000</u>	<u>1.890.000.000</u>	<u>600.414.374</u>	<u>609.344.310</u>	<u>3.164.287.686</u>
Số dư tại 01/01/2014	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.164.287.686
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	836.604.878
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.600.000.000
Số dư tại 30/06/2014	<u>10.000.000.000</u>	<u>1.890.000.000</u>	<u>600.414.374</u>	<u>609.344.310</u>	<u>2.400.892.564</u>

b. Cổ phiếu

	30/06/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.164.287.686	3.176.516.972
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	836.604.878	2.287.770.714
Phân phối lợi nhuận	1.600.000.000	2.300.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	1.600.000.000	1.800.000.000
- Chia cổ tức	1.600.000.000	1.800.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	500.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>2.400.892.564</u>	<u>3.164.287.686</u>

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 19/04/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 19/04/2014 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ 16%/vốn điều lệ (tương ứng 1.600.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2014.

16. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng doanh thu	9.704.905.611	11.195.706.298
+ Sách Đại học - Dạy nghề	9.113.781.945	10.153.887.481
+ Sách liên kết phát hành trọn gói	552.004.818	481.313.637
+ Sách tham khảo mua ngoài	39.118.848	480.630.725
+ Sổ sách chuyên môn có thuế	-	434.455
+ Bán giấy và dịch vụ biên tập	-	79.440.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	9.704.905.611	11.195.706.298

17. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	5.458.605.251	6.539.282.016
Giá vốn sách liên kết phát hành trọn gói	372.990.092	355.611.824
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	38.711.928	464.300.976
Giá vốn sổ sách chuyên môn có thuế	-	343.770
Giá vốn giấy và dịch vụ biên tập	-	39.720.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(52.400.562)	(88.876.579)
Cộng	5.817.906.709	7.310.382.007

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	270.323.838	311.661.286
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	26.600.000
Cộng	270.323.838	338.261.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.800.000	(95.000.000)
Cộng	3.800.000	(95.000.000)

20. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập từ thanh lý hàng tồn kho	-	300.000
Phí quản lý xuất bán điều chỉnh giảm	5.281.000	-
Thu nhập khác	300	-
Cộng	5.281.300	300.000

21. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí thiệt hại sách	10.745.000	-
Phí quản lý xuất bán điều chỉnh tăng	820.000	-
Chi phí khác	-	2.000.000
Cộng	11.565.000	2.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.100.129.982	1.175.547.896
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	97.711.400	30.332.263
Điều chỉnh tăng	97.711.400	56.932.263
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	71.156.400	37.847.763
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành	26.555.000	19.084.500
Điều chỉnh giảm (Lợi nhuận được chia)	-	26.600.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.197.841.382	1.205.880.159
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi	1.197.841.382	799.218.873
- Thu nhập từ HĐ kinh doanh không được hưởng ưu đãi	-	406.661.286
Chi phí thuế TNDN hiện hành	263.525.104	181.587.209
Lợi nhuận sau thuế TNDN	836.604.878	993.960.687

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	836.604.878	993.960.687
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	836.604.878	993.960.687
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	837	994

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí nhân công	1.867.276.972	1.958.842.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.134.287.118	7.192.687.514
Chi phí khác bằng tiền	144.107.760	255.429.259
Cộng	9.145.671.850	9.406.959.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá. Do không có ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất.

Rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.936.739.792	-	2.936.739.792
Chi phí phải trả	913.164.875	-	913.164.875
Phải trả khác	19.002.450	-	19.002.450
Cộng	<u>3.868.907.117</u>	<u>-</u>	<u>3.868.907.117</u>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.224.480.976	-	1.224.480.976
Chi phí phải trả	944.700.000	-	944.700.000
Phải trả khác	23.402.450	55.000.000	78.402.450
Cộng	<u>2.192.583.426</u>	<u>55.000.000</u>	<u>2.247.583.426</u>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.068.065.631	-	1.068.065.631
Phải thu khách hàng	5.181.005.695	-	5.181.005.695
Phải thu khác	-	-	-
Cho vay	4.400.000.000	-	4.400.000.000
Đầu tư tài chính	-	577.600.000	577.600.000
Cộng	<u>10.649.071.326</u>	<u>577.600.000</u>	<u>11.226.671.326</u>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.528.009.745	-	3.528.009.745
Phải thu khách hàng	2.986.676.179	-	2.986.676.179
Phải thu khác	63.833.333	-	63.833.333
Cho vay	4.400.000.000	-	4.400.000.000
Đầu tư tài chính	-	581.400.000	581.400.000
Cộng	<u>10.978.519.257</u>	<u>581.400.000</u>	<u>11.559.919.257</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

27. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VNĐ
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Cung ứng sách ĐH-DN	241.716.700	397.495.78
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách ĐH-DN	1.284.623.319	1.361.493.24
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách ĐH-DN	999.849.713	836.616.20
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách ĐH-DN	1.944.771.856	2.308.308.26
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	600.475.860	589.140.34
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Tiền điện, thuê nhà và các dịch vụ khác	198.038.293	5.859.79
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	244.231.538	737.563.73
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Mua sách các loại	-	414.824.00
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	464.156.000	427.335.50
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Thu nhập từ lãi cho vay	232.283.332	254.405.55

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 30/06/2014

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Phải thu tiền cho vay	4.400.000.000	4.400.000.000
	Phải trả người bán	92.207.267	9.060.641
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	328.308.030	394.170.090
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Phải thu khách hàng	884.623.319	391.277.422
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Phải thu khách hàng	1.289.771.856	1.765.400
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	259.045.120	30.877.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Phải trả người bán	278.666.400	10.000.000
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Phải trả người bán	100.000.000	200.000.000

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

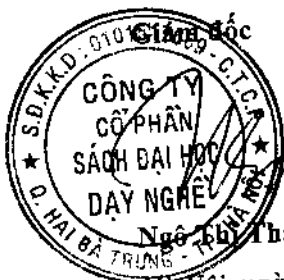
	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lương Ban Giám đốc	541.784.366	434.504.624
- Giám đốc	237.756.598	190.427.866
- Phó Giám đốc	304.027.768	244.076.758
Thu nhập Hội đồng quản trị	319.149.770	282.745.535

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Số liệu so sánh của Báo cáo kết hoạt động quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013. Các báo cáo này đã được kiểm toán vào soát xét bởi AAC.



Ngô Thị Thanh Bình
Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh